

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 5 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ về báo chí đợt 5 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 4793-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ về báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 22/6/2025 đến ngày 17/8/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	14.02.2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004708	NVBC05/2025.01	
2	Đàm Mỹ Anh	26.9.2003	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004709	NVBC05/2025.02	
3	Võ Thị Huyền Anh	19.8.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004710	NVBC05/2025.03	
4	Nguyễn Lê Kỳ Anh	16.11.2003	Trà Vinh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004711	NVBC05/2025.04	
5	Đoàn Ngọc Chính	30.8.1987	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004712	NVBC05/2025.05	
6	Trịnh Ngọc Cự	23.12.1985	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004713	NVBC05/2025.06	
7	Nguyễn Danh Cường	18.4.1981	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004714	NVBC05/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
8	Hoàng Ngọc Diệp	04.11.2003	Hà Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004715	NVBC05/2025.08	
9	Đinh Quang Duy	09.8.2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	HBT/BD 004716	NVBC05/2025.09	
10	Phạm Nguyễn Duy	16.12.2004	Tuyên Quang	Nam	Kinh	HBT/BD 004717	NVBC05/2025.10	
11	Bùi Quang Duy	04.8.1998	Hưng Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 004718	NVBC05/2025.11	
12	Trần Thị Minh Duyên	12.9.2002	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004719	NVBC05/2025.12	
13	Nguyễn Thị Hương Giang	15.01.2005	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004720	NVBC05/2025.13	
14	Nguyễn Thị Thu Hà	12.9.2003	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004721	NVBC05/2025.14	
15	Vũ Minh Hằng	22.5.2003	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004722	NVBC05/2025.15	
16	Phan Thu Hằng	09.11.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004723	NVBC05/2025.16	
17	Nguyễn Thị Hằng	03.9.1976	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004724	NVBC05/2025.17	
18	Nguyễn Thị Minh Hạnh	28.11.2004	Sơn La	Nữ	Kinh	HBT/BD 004725	NVBC05/2025.18	
19	Lục Ngọc Hiền	18.01.1990	Hà Giang	Nữ	Giáy	HBT/BD 004726	NVBC05/2025.19	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
20	Lê Phương Hiền	04.8.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004727	NVBC05/2025.20	
21	Khà Thị Hiếu	02.12.1983	Hòa Bình	Nữ	Thái	HBT/BD 004728	NVBC05/2025.21	
22	Nguyễn Phương Hoa	14.7.2000	Sơn La	Nữ	Kinh	HBT/BD 004729	NVBC05/2025.22	
23	Quách Thị Hồng	19.3.1998	Thanh Hóa	Nữ	Mường	HBT/BD 004730	NVBC05/2025.23	
24	Trần Thị Hồng	15.10.1988	Hung Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004731	NVBC05/2025.24	
25	Nguyễn Thị Huệ	18.01.1984	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004732	NVBC05/2025.25	
26	Đỗ Thị Huệ	01.10.1980	Hung Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004733	NVBC05/2025.26	
27	Nguyễn Việt Hưng	08.6.1986	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 004734	NVBC05/2025.27	
28	Đỗ Thu Hương	28.8.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004735	NVBC05/2025.28	
29	Nguyễn Văn Khanh	20.11.1976	Hung Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 004736	NVBC05/2025.29	
30	Trần Trung Khánh	20.5.1985	Bình Thuận	Nam	Kinh	HBT/BD 004737	NVBC05/2025.30	
31	Hoàng Bích Lam	10.7.1984	Hà Giang	Nữ	Giáy	HBT/BD 004738	NVBC05/2025.31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
32	Trần Văn Lâm	12.4.1989	Lạng Sơn	Nam	Kinh	HBT/BD 004739	NVBC05/2025.32	
33	Hoàng Diệu Linh	03.10.1988	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004740	NVBC05/2025.33	
34	Nghiêm Mai Linh	22.10.1995	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004741	NVBC05/2025.34	
35	Hán Ngọc Phương Linh	14.01.1998	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004742	NVBC05/2025.35	
36	Nguyễn Công Long	20.02.1976	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004743	NVBC05/2025.36	
37	Thào Mí Minh	15.02.1990	Hà Giang	Nam	Mông	HBT/BD 004744	NVBC05/2025.37	
38	Nguyễn Trà My	23.3.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004745	NVBC05/2025.38	
39	Nguyễn Hoài Nam	20.4.1980	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004746	NVBC05/2025.39	
40	Lưu Hà Ngân	26.9.1999	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004747	NVBC05/2025.40	
41	Phạm Bình Nguyên	18.4.1983	Hải Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 004748	NVBC05/2025.41	
42	Lê Quang Nhân	29.8.1974	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004749	NVBC05/2025.42	
43	Nguyễn Thị Thu Phương	15.7.1974	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004750	NVBC05/2025.43	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
44	Nguyễn Thị Hoa Phương	06.4.1991	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004751	NVBC05/2025.44	
45	Nguyễn Hoài Phương	15.10.1980	Kon Tum	Nam	Kinh	HBT/BD 004752	NVBC05/2025.45	
46	Phạm Thị Phương	01.01.1987	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004753	NVBC05/2025.46	
47	Lê Văn Quyền	07.6.1992	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004754	NVBC05/2025.47	
48	Nguyễn Diễm Quỳnh	18.6.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004755	NVBC05/2025.48	
49	Hoàng Tiến Sỹ	02.8.1978	Quảng Trị	Nam	Kinh	HBT/BD 004756	NVBC05/2025.49	
50	Lê Phú Tài	26.8.1986	Bắc Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 004757	NVBC05/2025.50	
51	Hoàng Thanh Tâm	28.5.1998	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004758	NVBC05/2025.51	
52	Đào Thị Thắm	27.5.1977	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004759	NVBC05/2025.52	
53	Phạm Viết Thành	18.6.2002	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004760	NVBC05/2025.53	
54	Trần Thị Hoài Thu	27.5.2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004761	NVBC05/2025.54	
55	Khuất Kiều Trang	24.11.1995	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004762	NVBC05/2025.55	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
56	Tạ Phương Trang	11.6.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004763	NVBC05/2025.56	
57	Nguyễn Lê Anh Tuấn	15.6.1979	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004764	NVBC05/2025.57	
58	Đào Bích Vân	14.9.1976	Lai Châu	Nữ	Kinh	HBT/BD 004765	NVBC05/2025.58	
59	Phan Phước Vinh	03.11.1993	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004766	NVBC05/2025.59	
60	Phạm Minh Vương	03.02.1994	Lâm Đồng	Nam	Kinh	HBT/BD 004767	NVBC05/2025.60	

Tổng số: 60 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang